ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1525 /UBND-NN V/v cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới.	*Thái Bình, ngày 05 tháng 6 năm 2014*

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện: Vũ Thư, Thái Thụy, Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Hưng Hà, Tiền Hải;
- Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà.

Xét đề nghị của Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình tại Tờ trình số 28/TTr-QĐTPT ngày 03/6/2014 về việc cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Đồng ý giao cho Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà (đơn vị cung ứng xi măng) tiếp tục cấp xi măng cho các xã đã thực hiện nghiêm túc Thông báo số 14/VP-TB ngày 29/4/2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc các huyện: Vũ Thư, Thái Thụy, Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Hưng Hà, Tiền Hải, với tổng khối lượng 7.306,85 tấn, trong đó:

+ Huyện Vũ Thư:	541,40 tấn;
+ Huyện Thái Thụy:	1.480,40 tấn;
+ Huyện Quỳnh Phụ:	1.378,20 tấn;
+ Huyện Kiến Xương:	2.638,95 tấn;
+ Huyện Hưng Hà:	1.222,90 tấn;
+ Huyện Tiền Hải:	45,00 tấn;

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo),

Số lượng xi măng trên đã được phê duyệt tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Yêu cầu:

+ Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng cấp cho các xã thuộc các huyện: Vũ Thư, Thái Thụy, Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Hưng Hà, Tiền Hải trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

+ Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo khối lượng xi măng được cấp tại Công văn này;

+ Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện: Vũ Thư, Thái Thụy, Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Hưng Hà, Tiền Hải và doanh nghiệp cung ứng xi măng giao xi măng cho các xã theo khối lượng được cấp tại Công văn này;

+ Ủy ban nhân dân các huyện: Vũ Thư, Thái Thụy, Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Hưng Hà, Tiền Hải và Ủy ban nhân dân các xã được cấp xi măng hỗ trợ thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định của tỉnh và quy định của Nhà nước./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục: KHỐI LƯỢNG XI MĂNG CẤP CHO CÁC XÃ THUỘC CÁC HUYỆN: VŨ THƯ, THÁI THỤY, QUỲNH PHỤ, KIẾN XƯƠNG, HƯNG HÀ, TIỀN HẢI

(Kèm theo Công văn số 1525 /UBND-NN ngày 05 /6/2014 của UBND tỉnh).

STT	Huyện/xã	Lượng xi măng được duyệt (tấn)	Lượng xi măng đã nhận (tấn)	Lượng xi măng được cấp tiếp (tấn)	Thời gian nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**Vũ Thư**			**541,40**	
1	Bách Thuận	4.046,40	3.505,00	541,40	05/6-30/6/2014
II	**Thái Thụy**			**1.480,40**	
1	Thụy Hồng	2.031,00	1.174,30	756,00	05/6-30/6/2014
2	Thụy Liên	2.741,30	2.089,55	60,00	05/6-06/6/2014
3	Thụy Tân	1.508,40	229,40	285,50	05/6-15/6/2014
4	Thái An	603,70	224,80	378,90	05/6-30/6/2014
III	**Quỳnh Phụ**			**1.378,20**	
1	Quỳnh Hoa	3.879,10	3.173,10	567,60	05/6-30/6/2014
2	An Đồng	2.228,30	1.851,60	141,20	05/6-10/6/2014
3	An Cầu	283,10	134,00	98,10	06/6-10/6/2014
4	Quỳnh Hưng	868,80	366,40	290,60	05/6-15/6/2014
5	Quỳnh Lâm	823,90	754,70	40,60	06/6-07/6/2014
6	Quỳnh Ngọc	1.369,80	1.252,70	117,10	06/6-10/6/2014
7	Quỳnh Mỹ	1.699,80	1.484,80	23,00	06/6-07/6/2014
8	An Tràng	1.856,10	1.383,60	100,00	06/6-10/6/2014
IV	**Kiến Xương**			**2.638,95**	
1	Vũ Quý	348,90	303,20	45,70	06/6-07/6/2014
2	Bình Nguyên	2.658,00	947,50	769,40	05/6-30/6/2014
3	Bình Thanh	6.364,30	3.393,30	218,30	06/6-07/6/2014
4	Minh Tân	2.632,10	1.763,50	693,70	05/6-30/6/2014
5	Lê Lợi	1.570,30	1.493,70	76,60	05/6-06/6/2014
6	Vũ Thắng	2.786,80	1.637,95	73,80	05/6-06/6/2014
7	Vũ Công	1.251,90	635,40	488,25	05/6-25/6/2014
8	Vũ Trung	2.903,30	1.426,20	273,20	06/6-20/6/2014

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
V	**Hưng Hà**			**1.222,90**	
1	Hồng An	7.987,70	5.495,40	920,70	05/6-25/6/2014
2	Bắc Sơn	2.204,40	1.647,70	149,40	05/6-10/6/2014
3	Phúc Khánh	2.731,20	2.016,90	152,80	05/6-10/9/2014
VI	**Tiền Hải**			**45,00**	
1	Nam Chính	2.318,70	2.034,40	45,00	05/6-06/6/2014
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)				**7.306,85**	
(Bẩy nghìn, ba trăm linh sáu tấn, tám trăm năm mươi cân).					

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
05/06/2014 08:43:54